TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ
**CÔNG TY CỔ PHẦN**
**DỊCH VỤ PHÂN PHỐI TỔNG HỢP DẦU KHÍ**

Số: 94 /CV-PSD
*V/v CBTT báo cáo tài chính riêng quý 1 năm 2017*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*TP.Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 04 năm 2017*

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên Công ty: **Công ty Cổ phần Dịch Vụ Phân Phối Tổng Hợp Dầu Khí**
2. Mã chứng khoán: **PSD**
3. Địa chỉ trụ sở chính: P.207, Tòa nhà PetroVietnam, 1-5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM
4. Điện thoại: 08.39115578 Fax: 08.39115579
5. Người thực hiện công bố thông tin: Bà LÊ THỊ CHIẾN
6. Nội dung của thông tin công bố

   - Báo cáo tài chính riêng quý 1 năm 2017 của CTCP Dịch Vụ Phân Phối Tổng Hợp Dầu Khí lập ngày 20/04/2017 bao gồm BCDKT, BCKQKD, BCLCTT,TMBCTC.
   - Công văn giải trình báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Quý 1 năm 2017.
   - Địa chỉ website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: www.psd.com.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**Nơi nhận:**
- Như trên
- Lưu VT

**NGƯỜI THỰC HIỆN CBTT**

M.S.D.N: 0305452862 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÂN PHỐI TỔNG HỢP DẦU KHÍ
QUẬN 1 - T.P HỒ CHÍ MINH

**LÊ THỊ CHIẾN**

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ**
**PHÂN PHỐI TỔNG HỢP DẦU KHÍ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 95/CV-PSD

*TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 04 năm 2017*

V/v: Giải trình báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh quý 01 năm 2017

Kính gửi: **- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội**
**Phòng Quản lý niêm yết**

Tên tổ chức niên yết:**Công ty Cổ phần Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí**
Địa chỉ : Phòng 207, Tòa nhà Petrovietnam, Số 1-5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.
Mã số thuế : 0305482862
Mã giao dịch chứng khoán: **PSD**

Công ty Cổ phần Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí (Công ty PSD) xin giải trình với Sở giao dịch chứng khoán IIà Nội các vấn đề liên quan đến báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng quý 01năm 2017.

Theo Báo cáo tài chính riêng quý 01 năm 2017 thì:
- Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp quý 01 năm 2016: 23.915.188.941 đồng
- Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp quý 01 năm 2017: 19.093.373.143 đồng
- Biến động lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp quý 01 năm 2017 so với quý 01 năm 2017 là biến động giảm 20%.

Nguyên nhân của sự biến động lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp giảm là do trong quý 01 năm 2017 tỷ lệ lãi gộp Công ty PSD giảm .
Bằng công văn này, Công ty xin giải trình cho Sở giao dịch chứng khoán được rõ.

Trân trọng kính chào !

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÂN PHỐI TỔNG HỢP DẦU KHÍ**

M.S.D.N: 0305482862 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÂN PHỐI TỔNG HỢP DẦU KHÍ - QUẬN 1 - T.P HỒ CHÍ MINH

**LÊ THỊ CHIẾN**

***Nơi nhận:***
- Như trên;
- Lưu VT, TCKT

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ**

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÂN PHỐI TỔNG HỢP DẦU KHÍ**

Địa chỉ: Phòng 207, Tòa nhà PetroVietnam Tower, số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1, TP. HCM

Mã số thuế: 0305482862

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

## QUÝ 1 NĂM 2017

**Tháng 04 năm 2017**

# BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

*Tại ngày 31 tháng 03 năm 2017*

**MẪU SỐ B 01-DN**
Đơn vị: VND

| | TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Tại ngày 31/03/2017 | Tại ngày 01/01/2017 |
|---|---|---|---|---|---|
| **A.** | **TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)** | **100** | | **1,741,888,653,253** | **2,447,104,070,275** |
| **I.** | **Tiền và các khoản tương đương tiền** | **110** | **5** | **571,484,714,904** | **1,058,831,542,482** |
| | 1. Tiền | 111 | | 45,064,714,904 | 46,941,542,482 |
| | 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 526,420,000,000 | 1,011,890,000,000 |
| **II.** | **Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn** | **120** | | **21,971,638,800** | **20,954,433,300** |
| | 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | | 33,575,304,695 | 33,575,304,695 |
| | 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 129 | | (11,603,665,895) | (12,620,871,395) |
| **III.** | **Các khoản phải thu ngắn hạn** | **130** | | **626,214,905,625** | **721,365,801,702** |
| | 1. Phải thu khách hàng | 131 | | 548,909,745,249 | 614,700,555,862 |
| | 2. Trả trước cho người bán | 132 | | 160,709,753 | 1,510,589,053 |
| | 3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác | 135 | | 110,170,334,372 | 138,180,540,536 |
| | 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 139 | | (33,025,883,749) | (33,025,883,749) |
| **IV.** | **Hàng tồn kho** | **140** | **6** | **329,312,039,049** | **444,877,408,819** |
| | 1. Hàng tồn kho | 141 | | 343,033,896,216 | 458,599,265,986 |
| | 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | (13,721,857,167) | (13,721,857,167) |
| **V.** | **Tài sản ngắn hạn khác** | **150** | | **192,905,354,875** | **201,074,883,972** |
| | 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | | 724,194,669 | 572,266,745 |
| | 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | 191,074,486,091 | 199,717,744,972 |
| | 3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước | 154 | | 1,106,674,115 | 784,872,255 |
| **B.** | **TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)** | **200** | | **31,764,223,485** | **32,749,682,934** |
| **I.** | **Các khoản phải thu dài hạn** | **210** | | **1,667,879,590** | **1,667,879,590** |
| | 1. Phải thu dài hạn khác | 213 | | 1,667,879,590 | 1,667,879,590 |
| **II.** | **Tài sản cố định** | **220** | | **1,877,878,883** | **2,152,735,845** |
| | 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | 7 | 1,755,448,883 | 2,019,175,845 |
| | *- Nguyên giá* | *222* | | *7,657,729,561* | *7,657,729,561* |
| | *- Giá trị hao mòn luỹ kế* | *223* | | *(5,902,280,678)* | *(5,638,553,716)* |
| | 2. Tài sản cố định vô hình | 227 | 8 | 122,430,000 | 133,560,000 |
| | *- Nguyên giá* | *228* | | *1,113,753,105* | *1,113,753,105* |
| | *- Giá trị hao mòn luỹ kế* | *229* | | *(991,323,105)* | *(980,193,105)* |
| **III.** | **Các khoản đầu tư tài chính dài hạn** | **250** | **9** | **27,628,268,080** | **27,628,268,080** |
| | 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | | 26,775,000,000 | 26,775,000,000 |
| | 2. Đầu tư vào công ty liên kết | 252 | | 853,268,080 | 853,268,080 |
| | 3. Đầu tư tài chính dài hạn khác | 258 | | 1,350,000,000 | 1,350,000,000 |
| | 4. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn | 259 | | (1,350,000,000) | (1,350,000,000) |
| **IV.** | **Tài sản dài hạn khác** | **260** | | **590,196,932** | **1,300,799,419** |
| | 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | | 590,196,932 | 1,300,799,419 |
| **TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)** | | **270** | | **1,773,652,876,738** | **2,479,853,753,209** |

# BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

*Tại ngày 31 tháng 03 năm 2017*

**MẪU SỐ B 01-DN**
Đơn vị: VND

| | NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Tại ngày 31/03/2017 | Tại ngày 01/01/2017 |
|---|---|---|---|---|---|
| **A.** | **NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)** | **300** | | **1,519,888,972,129** | **2,241,346,170,646** |
| **I.** | **Nợ ngắn hạn** | **310** | | **1,519,681,953,860** | **2,241,139,152,377** |
| | 1. Phải trả người bán | 311 | | 390,000,331,436 | 548,603,576,014 |
| | 2. Người mua trả tiền trước | 312 | | 5,633,807,043 | 5,955,163,826 |
| | 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | 10 | 8,364,686,202 | 3,313,914,825 |
| | 4. Phải trả người lao động | 314 | | 7,007,940,675 | 9,881,962,595 |
| | 5. Chi phí phải trả | 315 | 11 | 1,048,038,206 | 9,164,308,207 |
| | 6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | 319 | 12 | 95,460,735,798 | 93,226,800,948 |
| | 7. Vay và nợ ngắn hạn | 320 | 13 | 1,005,353,051,318 | 1,563,816,062,780 |
| | 8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | | 6,813,363,182 | 7,177,363,182 |
| **II.** | **Nợ dài hạn** | **330** | | **207,018,269** | **207,018,269** |
| | 1. Phải trả dài hạn khác | 333 | | 207,018,269 | 207,018,269 |
| **B.** | **NGUỒN VỐN (400=410)** | **400** | | **253,763,904,609** | **238,507,582,563** |
| **I.** | **Vốn chủ sở hữu** | **410** | 14 | **253,763,904,609** | **238,507,582,563** |
| | 1. Vốn điều lệ | 411 | | 213,265,490,000 | 213,265,490,000 |
| | 2. Cổ phiếu quỹ | 414 | | (1,170,000,000) | (1,170,000,000) |
| | 3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 420 | | 41,668,414,609 | 26,412,092,563 |
| | **TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)** | **440** | | **1,773,652,876,738** | **2,479,853,753,209** |

## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

| | Chỉ tiêu | Đơn vị | Tại ngày 31/03/2017 | Tại ngày 01/01/2017 |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Nợ khó đòi đã xử lý | VND | 17,918,448,762 | 17,918,448,762 |
| 2. | Ngoại tệ các loại | USD | 195,142 | 125,682 |
| | | EUR | - | 48 |

| | | |
|---|---|---|
| **Trần Thanh Cảnh** | **Lê Thị Chiến** | **Vũ Tiến Dương** |
| **Người lập biểu** | **Kế toán trưởng** | **Chủ tịch hội đồng quản trị** |
| *Ngày 20 tháng 03 năm 2017* | | |

# BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

*Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 31 tháng 03 năm 2017*

**MẪU SỐ B 02-DN**
Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Quý I năm 2017 | Quý I năm 2016 |
|---|---|---|---|
| **1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ** | | **1,348,036,351,418** | **1,461,365,040,733** |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | | 12,064,691,817 | 18,512,163,482 |
| **3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch** | | **1,335,971,659,601** | **1,442,852,877,251** |
| 4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp | | 1,277,714,536,918 | 1,378,016,827,416 |
| **5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch** | | **58,257,122,683** | **64,836,049,835** |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | **15** | 10,401,187,713 | 6,610,589,426 |
| 7. Chi phí tài chính | **16** | 15,107,043,996 | 16,475,108,976 |
| *Trong đó: Chi phí lãi vay* | | *14,992,002,147* | *15,137,072,810* |
| 8. Chi phí bán hàng | | 25,503,029,918 | 23,442,585,939 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | | 8,953,570,127 | 7,700,413,090 |
| **10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh** | | **19,094,666,355** | **23,828,531,256** |
| 11. Thu nhập khác | | 9,181,905 | 92,274,917 |
| 12. Chi phí khác | | 10,475,117 | 5,617,232 |
| **13. Lợi nhuận khác (40=31-32)** | | **(1,293,212)** | **86,657,685** |
| **14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)** | | **19,093,373,143** | **23,915,188,941** |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | **17** | 3,818,674,629 | 4,783,037,788 |
| **16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)** | | **15,274,698,514** | **19,132,151,153** |

| | | |
|---|---|---|
| **Trần Thanh Cảnh** | **Lê Thị Chiên** | **Vũ Tiến Dương** |
| **Người lập biểu** | **Kế toán trưởng** | **Chủ tịch hội đồng quản trị** |
| *Ngày 20 tháng 03 năm 2017* | | |

# BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

*Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 31 tháng 03 năm 2017*

**MẪU SỐ B 03-DN**
Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Từ ngày 1/1/2017 đến 31/3/2017 | Từ ngày 1/1/2016 đến 31/3/2016 |
|---|---|---|---|
| **I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH** | | | |
| ***1. Lợi nhuận trước thuế*** | **01** | **19,093,373,143** | **23,915,188,941** |
| ***2. Điều chỉnh cho các khoản:*** | | | |
| Khấu hao tài sản cố định | 02 | 274,856,962 | 274,767,055 |
| Các khoản dự phòng | 03 | (1,017,205,500) | 332,563,306 |
| (Lãi) Chênh lệch tỷ giá hối doái chưa thực hiện | 04 | (149,935,578) | - |
| (Lãi) từ hoạt động đầu tư | 05 | (9,109,006,559) | (4,656,912,463) |
| Chi phí lãi vay | 06 | 14,992,002,147 | 15,137,072,810 |
| ***3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động*** | ***08*** | ***24,084,084,615*** | ***35,002,679,649*** |
| (Tăng)/Giảm các khoản phải thu | 09 | 112,581,359,657 | 52,315,090,830 |
| (Tăng)/Giảm hàng tồn kho | 10 | 115,565,369,770 | 79,506,978,704 |
| (Tăng)/ Giảm các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | 11 | (108,717,619,534) | (71,694,256,946) |
| (Tăng) chi phí trả trước | 12 | 558,674,563 | (656,763,635) |
| Tiền lãi vay đã trả | 13 | (16,901,751,613) | (17,690,417,868) |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 14 | (3,332,291,293) | (3,792,298,082) |
| Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 16 | (18,376,468) | (397,100,000) |
| ***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh*** | ***20*** | ***123,819,449,697*** | ***72,593,912,652*** |
| **II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ** | | | |
| 3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | - | (2,495,576) |
| 4. Thu lãi cho vay, lãi tiền gửi | 27 | - | 5,761,042,113 |
| ***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư*** | **30** | - | ***5,758,546,537*** |
| **III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH** | | | |
| 1. Vay ngắn hạn, dài hạn nhận được | 33 | 661,969,829,489 | 865,125,099,119 |
| 2. Tiền chi trả nợ gốc vay | 34 | (1,220,432,840,951) | (1,112,801,741,423) |
| 3. Cổ tức đã trả cho cổ đông | 36 | (52,692,365,625) | (53,219,472,500) |
| ***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính*** | **40** | **(611,155,377,087)** | **(300,896,114,804)** |
| **Lưu chuyển tiền thuần trong năm** | **50** | **(487,335,927,390)** | **(222,543,655,615)** |
| **Tiền và tương đương tiền đầu năm** | **60** | **1,058,831,542,482** | **681,480,815,241** |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | (10,900,188) | - |
| **Tiền và tương đương tiền cuối năm** | **70** | **571,484,714,904** | **458,937,159,626** |

| | | |
|---|---|---|
| **Trần Thanh Cảnh** | **Lê Thị Chiến** | **Vũ Tiến Dương** |
| **Người lập biểu** | **Kế toán trưởng** | **Chủ tịch hội đồng quản trị** |

*Ngày 20 tháng 01 năm 2017*

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)** **MẪU SỐ B 09-DN**
*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

## 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

### Hình thức sở hữu vốn

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí** (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty TNHH MTV Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí - được thành lập trên cơ sở Xí nghiệp Viễn thông Dầu khí theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104003401 ngày 04 tháng 02 năm 2008 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh ngày 12 tháng 8 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Theo Nghị quyết số 28/NQ-DVTHDK ngày 13 tháng 9 năm 2011 của Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí về phương án tái cấu trúc tổng thể Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí, Công ty TNHH MTV Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí được chuyển đổi thành công ty cổ phần. Công ty chính thức hoạt động dưới hình thức cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần 6 số 0305482862 ngày 07 tháng 11 năm 2011 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh sửa đổi tiếp theo do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

### Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là mua bán máy móc thiết bị ngành công nghiệp, trang thiết bị văn phòng, thiết bị viễn thông; kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô; bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện, máy vi tính, thiết bị, sản phẩm đồ chơi, sản phẩm trò chơi, dụng cụ thể dục, thể thao, đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện, hàng may mặc; đại lý mua bán, ký gởi hàng hóa; bán lẻ hàng lưu niệm; dịch vụ giao nhận hàng hóa; dịch vụ logistic; quảng cáo; sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi.

## 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

### Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

### Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.
Báo cáo này được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến 31 tháng 03 năm 2017.

## 3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") - Hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009. Thông tư 200 được áp dụng kể từ năm tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 năm 2015. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 200 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

## 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

**Đầu tư**

***a) Đầu tư vào công ty con***

Công ty con là những doanh nghiệp mà Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Công ty có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không.

Đầu tư vào công ty con được hạch toán theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư, Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư.

## 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### *b) Đầu tư vào các công ty liên kết*

Công ty liên kết là tất cả các công ty trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó,

Đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư, Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư.

### *c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư, Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Công ty nhận đầu tư bị lỗ, ngoại trừ khoản lỗ mà Ban Giám đốc Công ty đã dự đoán từ khi đầu tư.

### Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

| | Từ ngày 1/1/2017 đến 31/3/2017<br>Số năm |
|---|---|
| Phương tiện vận tải | 6 - 10 |
| Thiết bị văn phòng | 3 - 5 |

### Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế và trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm.

### Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

(a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm cho người mua;
(b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
(c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
(d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
(e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

(a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
(b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
(c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

## 5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

| | 31/03/2017 | 01/01/2017 |
|---|---|---|
| | VND | VND |
| Tiền mặt | 126,305,096 | 57,729,980 |
| Tiền gửi ngân hàng | 44,938,409,808 | 46,883,812,502 |
| Các khoản tương đương tiền | 526,420,000,000 | 1,011,890,000,000 |
| | **571,484,714,904** | **1,058,831,542,482** |

## 6. HÀNG TỒN KHO

| | 31/03/2017 | 01/01/2017 |
|---|---|---|
| | VND | VND |
| Hàng mua đang đi đường | 11,332,997,606 | 26,015,685,205 |
| Hàng hóa | 330,012,430,654 | 430,663,733,391 |
| Hàng gửi đi bán | 1,602,845,236 | 1,433,661,430 |
| Công cụ dụng cụ | 85,622,720 | 486,185,960 |
| | **343,033,896,216** | **458,599,265,986** |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | (13,721,857,167) | (13,721,857,167) |
| **Gía trị thuần có thể thực hiện được của HHTK** | **329,312,039,049** | **444,877,408,819** |

## 7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

| | Phương tiện vận tải | Thiết bị dụng cụ quản lý | Tổng cộng |
|---|---|---|---|
| **NGUYÊN GIÁ** | VND | VND | VND |
| **Tại ngày 01/01/2017** | **3,744,002,686** | **3,913,726,875** | **7,657,729,561** |
| Mua trong năm | | | - |
| Thanh lý trong năm | | - | - |
| **Tại ngày 31/03/2017** | **3,744,002,686** | **3,913,726,875** | **7,657,729,561** |
| **GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ** | | | |
| **Tại ngày 01/01/2017** | **2,712,709,846** | **2,925,843,870** | **5,638,553,716** |
| Khấu hao trong năm | 123,800,329 | 139,926,633 | 263,726,962 |
| Thanh lý trong năm | - | - | - |
| **Tại ngày 31/03/2017** | **2,836,510,175** | **3,065,770,503** | **5,902,280,678** |
| **GIÁ TRỊ CÒN LẠI** | | | |
| **Tại ngày 31/03/2017** | **907,492,511** | **847,956,372** | **1,755,448,883** |
| **Tại ngày 01/01/2016** | **1,031,292,840** | **987,883,005** | **2,019,175,845** |

## 8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

| NGUYÊN GIÁ | VND |
|---|---|
| **Tại ngày 01/01/2017** | **1,113,753,105** |
| Tăng trong năm | - |
| **Tại ngày 31/03/2017** | **1,113,753,105** |
| **GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ** | |
| **Tại ngày 01/01/2017** | **980,193,105** |
| Khấu hao trong năm | 11,130,000 |
| **Tại ngày 31/03/2017** | **991,323,105** |
| **GIÁ TRỊ CÒN LẠI** | |
| **Tại ngày 31/03/2017** | **122,430,000** |
| **Tại ngày 01/01/2017** | **133,560,000** |

## 9. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

| | Giá gốc | Dự phòng |
|---|---|---|
| Đầu tư vào công ty con | | |
| *Công ty cổ phần điện tử điện lạnh Bình Minh* | 26,775,000,000 | - |
| Đầu tư vào công ty liên kết | | |
| *Công ty cổ phần đầu tư và thương mại số Vietecom* | 853,268,080 | - |
| Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | | |
| *Công ty cổ phần Dịch vụ bán lẻ Dầu khí* | 1,350,000,000 | 1,350,000,000 |

## 10. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

| | 31/03/2017 | 01/01/2017 |
|---|---|---|
| | VND | VND |
| Ngân Hàng TMCP XNK Việt Nam | 99,748,513,700 | 99,840,601,711 |
| Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Bến Thành | - | 53,349,172,995 |
| Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ (Việt Nam) - CN Ho Chi Minh | - | 131,721,834,387 |
| Ngân hàng TNHH Một Thành ViênHSBC-Việt Nam | 255,163,877,409 | 293,036,052,634 |
| Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN 7 | 113,427,122,885 | 297,221,633,220 |
| Ngân hàng TM CP Quân Đội-CN Sài Gòn | 138,954,396,295 | 219,247,805,700 |
| Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN - CN TP.HCM | 398,059,141,029 | 469,398,962,133.0 |
| | **1,005,353,051,318** | **1,563,816,062,780** |

## 11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN (PHẢI THU) / PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

| | 31/03/2017 | 01/01/2017 |
|---|---|---|
| | VND | VND |
| Thuế giá trị gia tăng | 4,546,011,573 | (9,340,755,784) |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 3,818,674,629 | 3,313,914,825 |
| Thuế TN cá nhân | (873,642,561) | (329,705,133) |
| | **7,491,043,641** | **(6,356,546,092)** |
| *Thuế và các khoản phải thu Nhà nước* | (873,642,561) | (9,670,460,917) |
| *Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước* | 3,818,674,629 | 3,313,914,825 |

## 12. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

| | 31/03/2017 | 01/01/2017 |
|---|---|---|
| | VND | VND |
| Chi phí phải trả lãi vay | 643,727,655 | 2,553,477,121 |
| Chi phí phải trả khác | 404,310,551 | 6,610,831,086 |
| | **1,048,038,206** | **9,164,308,207** |

## 13. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC

| | 31/03/2017 | 01/01/2017 |
|---|---|---|
| | VND | VND |
| Cổ tức | 646,392,748 | 53,805,949,623 |
| Các khoản phải trả đại lý, khách hàng | 26,562,600,490 | 6,439,947,154 |
| Các khoản thu/chi hộ nhà cung cấp cho đại lý | 9,968,323,011 | 21,342,216,580 |
| Các khoản phải trả phải nộp khác | 58,283,419,549 | 11,638,687,591 |
| | **95,460,735,798** | **93,226,800,948** |

## 14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

| | Vốn điều lệ | Thặng dư vốn cổ phần | Cổ phiếu quỹ | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận chưa phân phối | Tổng cộng |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | VND | VND | VND | VND | VND | VND |
| **Số dư tại ngày 01/01/2016** | **213,265,490,000** | - | **(375,000,000)** | - | **19,271,236,108** | **232,161,726,108** |
| Lợi nhuận trong năm | - | - | - | - | 61,531,100,975 | 61,531,100,975 |
| Mua cổ phiếu quỹ | - | - | (795,000,000) | - | - | (795,000,000) |
| Trích lập các quỹ | - | - | - | - | (1,230,622,020) | (1,230,622,020) |
| Chia cổ tức | - | - | - | - | (53,159,622,500) | (53,159,622,500) |
| **Số dư tại ngày 01/01/2017** | **213,265,490,000** | - | **(1,170,000,000)** | - | **26,412,092,563** | **238,507,582,563** |
| Lợi nhuận trong kỳ | - | - | - | - | 15,274,698,514 | **15,274,698,514** |
| Giảm khác | - | - | - | - | (18,376,468) | (18,376,468) |
| **Số dư tại ngày 31/03/2017** | **213,265,490,000** | - | **(1,170,000,000)** | - | **41,668,414,609** | **253,763,904,609** |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)** **MẪU SỐ B 09-DN**
*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

## 15. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

| | Quý 1-2017 | Quý 1-2016 |
|---|---|---|
| | VND | VND |
| Lãi tiền gửi, tiền cho vay | 9,109,006,559 | 4,656,912,463 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá | 1,292,181,154 | 1,953,676,963 |
| Hoạt động tài chính khác | - | - |
| | **10,401,187,713** | **6,610,589,426** |

## 16. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

| | Quý 1-2017 | Quý 1-2016 |
|---|---|---|
| | VND | VND |
| Chi phí lãi vay | 14,992,002,147 | 15,137,072,810 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá | 413,823,289 | 155,268,120 |
| Hoạt động tài chính khác | (298,781,440) | 1,182,768,046 |
| | **15,107,043,996** | **16,475,108,976** |

## 17. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

| | Quý 1-2017 | Quý 1-2016 |
|---|---|---|
| | VND | VND |
| **Lợi nhuận/(Lỗ) trước thuế** | **19,093,373,143** | **23,915,188,941** |
| Trừ: Thu nhập không chịu thuế | - | - |
| Cộng: CP không được khấu trừ | - | - |
| **Thu nhập chịu thuế** | **19,093,373,143** | **23,915,188,941** |
| **Chi phí thuế TNDN hiện hành** | **3,818,674,629** | **4,783,037,788** |

## 18. PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017 được Chủ tịch hội đồng quản trị Công ty phê duyệt phát hành vào ngày 20 tháng 04 năm 2017.

| | | |
|---|---|---|
| **Trần Thanh Cảnh** | **Lê Thị Chiến** | **Vũ Tiến Dương** |
| **Người lập biểu** | **Kế toán trưởng** | **Chủ tịch hội đồng quản trị** |
| *Ngày 20 tháng 04 năm 2017* | | |